|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ..........**  **TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN NGHỆ THUẬT, Lớp 8 – Phân môn Mĩ Thuật (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)**

**NĂM HỌC 2023 – 2024**

**Học kỳ I: 1 tiết/ tuần x 18 tuần. Học kỳ II: 17 tiết/ tuần x 17 tuần = 35 tiết .**

**I. Đặc điểm tình hình:**

**1. Số lớp : Số học sinh:** **Số học sinh học chuyên đề lựa chọn:**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**  **Trình độ đào tạo:**

**3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |

**4. Phòng học bộ môn:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học**:

**1. Phân phối chương trình:**

**HỌC KÌ I**

| **Tiết** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Chủ đề 1 : Hình tượng con người trong mĩ thuật.**  Bài 1: Hình tượng con người trong sáng tạo mĩ thuật. | 2 | Hiểu về cách thức tạo hình con người trong sáng tạo mĩ thuật.  Thể hiện tạo hình con người theo nhiều hình thức khác nhau. |  |
| 2 | Có khả năng ghi chép dáng người trạng thái tĩnh và động.  Cảm nhận được vẻ đẹp và biết chia sẻ cách khai thác hình tượng con người. |  |
| 3 | Bài 2: Một số dạng bố cục trong tranh sinh hoạt. | 2 | Biết cách khai thác đề tài và xây dựng bố cục tranh có nhân vật làm trọng tâm.  Thể hiện được hình tượng con người trong tranh sinh hoạt có mảng chính và phụ |  |
| 4 | Vẽ được tranh sinh hoạt theo một số bố cục thông thường.  Cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng con người trong tác phẩm. |  |
| 5 | **Chủ đề 2: Vẻ đẹp trong nghệ thuật truyền thống.**  Bài 3: Nghệ thuật truyền thống. | 2 | Hiểu được vẻ đẹp của nghệ thuật truyền thống.  Có kĩ năng khai thác tài liệu nghệ thuật truyền thống để thực hành sáng tạo. |  |
| 6 | Vận dụng được kiến thức và kĩ năng trong bài học để trang trí không gian.  Yêu thích vẻ đẹp, giá trị nghệ thuật truyền thống của cộng đồng dân tộc. |  |
| 7 | Bài 4: Thiết kế trang phục với hoa văn dân tộc thiểu số. | 2 | Nhận biết được tính tượng trưng, tính biểu tượng trong hoa văn trên trang phục của đồng bào dân tộc thiểu số  Hiểu và sử dụng được cách chuyển động của nét trong tạo hình hoa văn. |  |
| 8 | Vận dụng được vẻ đẹp của hoa văn dân tộc thiểu số trong thiết kế trang phục.  Cảm nhận được vẻ đẹp của hoa văn dân tộc thiểu số trong trang trí. |  |
| 9 | Kiểm tra đánh giá giữa kì I | 1 | Kiểm tra, đánh giá nhận thức thẩm mĩ của học sinh thông qua các nội dung đã học từ đầu học kì I đến giữa kì I. |  |
| 10 | **Chủ đề 3: Niềm vui, hạnh phúc.**  Bài 5: Tác phẩm hội họa chủ đề Niềm vui, hạnh phúc. | 2 | Nhận biết được các yếu tố tạo hình làm nổi bật được chủ đề yêu cầu.  Biết sử dụng những yếu tố tạo hình, lựa chọn phương tiện,vật liệu trong sáng tạo chủ đề. |  |
| 11 | Thể hiện được sản phẩm mĩ thuật với chủ đề và tạo được điểm nhấn chính phụ.  Yêu thích và trình bày được quan điểm cá nhân về sản phẩm. |  |
| 12 | Bài 6: Thiết kế quà sinh nhật từ vật liệu sẵn có. | 2 | Hiểu được vai trò của thiết kế trong sáng tạo mĩ thuật.  Có ý tưởng cải tiến, thiết kế sản phẩm mĩ thuật từ chất liệu sẵn có. |  |
| 13 | Sử dụng được màu sắc tự thân của vật liệu để thiết kế, trang trí sản phẩm.  Hình thành ý thức sử dụng vật liệu sẵn có, tái sử dụng trong thực hành. |  |
| 14 | **Chủ đề 4: Mĩ thuật thế giới thời kì hiện đại.**  Bài 7: Một số trường phái mĩ thuật phương Tây thời kì hiện đại. | 2 | Hiểu được sơ lược về mĩ thuật phương Tây thời kì hiện đại.  Phân tích so sánh sự khác nhau giữa các trường phái Ấn tượng, Lập thể. Biểu hiện. Biết vận dụng đặc điểm của một trường phái vẽ theo yêu cầu. |  |
| 15 | Sưu tập hình ảnh một số tranh của trường phái nghệ thuật yêu thích.  Có ý thức tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới để làm giàu văn hóa dân tộc. |  |
| 16 | Kiểm tra đánh giá cuối kì I | 1 | Kiểm tra, đánh giá nhận thức thẩm mĩ của học sinh thông qua các nội dung đã học ở kì I. |  |
| 17 | Bài 8: Nghệ thuật trang trí đồ gia dụng. | 2 | Nhận biết đươc tính tượng trưng, tính biểu tượng của sản phẩm.  Khai thác được phong cách tạo hình của một số trường phái nghệ thuật. |  |
| 18 | Thiết kế và trang trí được sản phẩm đồ gia dụng phù hợp với mục đích.  Có ý thức, thái độ sống thân thiện với môi trường, tiết kiệm nguồn tài nguyên. |  |

**HỌC KÌ II**

| **Tiết** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 19 | **Chủ đề 5: Vẻ đẹp trong lao động .**  Bài 9: Vẻ đẹp người lao động trong sáng tạo mĩ thuật. | 2 | Nhận biết được vẻ đẹp của dáng người trong lao động.  Có kĩ năng quan sát , phân tích, tư duy hình ảnh nhận biết các dáng người và thể hiện được tranh đề tài vẻ đẹp lao động. |  |
| 20 | Biết được kĩ thuật in nổi và thể hiện được một bức tranh nội dung lao động.  Có ý thức tham gia lao động và biết trân trọng người lao động. |  |
| 21 | Bài 10: Nghệ thuật trổ giấy trang trí. | 2 | Hiểu được kĩ thuật trổ giấy trong thực hành sáng tạo.  Biết khai thác vẻ đẹp trong cuộc sống để thực hành sản phẩm. |  |
| 22 | Vận dụng kĩ thuật trổ giấy để làm một sản phẩm trang trí.  Có ý thức giữ gìn nghệ thuật trổ giấy. |  |
| 23 | **Chủ đề 6: Giao thông công cộng trong sáng tạo mĩ thuật .**  Bài 11: Phương tiện giao thông công cộng trong sáng tạo mĩ thuật . | 2 | Hiểu được đặc điểm của tạo hình giao thông công cộng.  Củng cố kĩ năng quan sát, tư duy hình ảnh, thu thập thông tin trong việc tạo dáng được một phương tiện giao thông. |  |
| 24 | Vận dụng kiến thức bài học vào thiết kế một sản phẩm về phương tiện giao thông công cộng.  Hiểu sự cần thiết, lợi ích của phương tiện giao thông với con người và XH. |  |
| 25 | Bài 12: Thiết kế trang trí áo phông. | 1 | Hiểu được vai trò của truyền thông qua hình ảnh trên sản phẩm.  Biết khai thác vẻ đẹp tạo hình phương tiện giao thông trong thiết kế trang trí áo phông. |  |
| 26 | Kiểm tra đánh giá giữa kì II | 1 | Kiểm tra, đánh giá nhận thức thẩm mĩ của học sinh thông qua các nội dung đã học từ đầu kì II đến giữa học kì II. |  |
| 27 | Bài 12: Thiết kế trang trí áo phông. | 1 | Sử dụng kiến thức bài học để trang trí được phụ kiện phục trang.  Có ý thức sử dụng sản phẩm tuyên truyền cho văn hóa giao thông. |  |
| 28 | **Chủ đề 7: Mĩ thuật Việt Nam thời kì hiện đại.**  Bài 13: Một số tác giả tác phẩm mĩ thuật Việt Nam thời kì hiện đại. | 2 | Biết được giá trị tạo hình của nền Mĩ thuật hiện đại thông qua một số tác giả tác phẩm.  Viết được một bài luận về tác giả, tác phẩm hoặc vẽ theo một trường phái mĩ thuật Việt Nam hiện đại. |  |
| 29 | Vận dụng kiến thức đã học xây dựng một video hoặc một tờ báo tường về nghệ thuật VN hiện đại.  Tự hào về nền mĩ thuật Việt nam hiện đại. |  |
| 30 | Bài 14: Nghệ thuật thiết kế Việt Nam thời kì hiện đại. | 2 | Biết được khái quát về lịch sử của nghệ thuật thiết kế Việt Nam.  Hiểu và thiết kế được một sản phẩm mĩ thuật ứng dụng. |  |
| 31 | Vận dụng được đặc điểm cơ bản của thiết kế hiện đại trong thiết kế đồ gia dụng.  Yêu thích nghành thiết kế mĩ thuật ứng dụng. |  |
| 32 | **Chủ đề 8: Hướng nghiệp.**  Bài 15: Nghành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình. | 1 | Hiểu được vai trò của mĩ thuật trong đời sống văn hóa xã hội.  Liệt kê được một số nghành nghề cơ bản liên quan đến mĩ thuật tạo hình. |  |
| 33 | Kiểm tra đánh giá cuối kì II | 1 | Kiểm tra, đánh giá nhận thức thẩm mĩ của học sinh thông qua các nội dung đã học ở học kì II. |  |
| 34 | Bài 15: Nghành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình. | 1 | Viết được một bài luận hoặc làm một đoạn video clip giới thiệu nghành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình.  Liên hệ thực tế và bước đầu có ý thức tìm hiểu công việc liên quan đến lĩnh vực mĩ thuật tạo hình phù hợp.. |  |
| 35 | Bài 16: Đặc trưng của nghành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình. | 1 | Nêu được yếu tố đặc trưng của một số nghành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình.  Biết đến các bước thực hiện một tác phẩm mĩ thuật của họa sĩ.  Thể hiện được kiến thức, kĩ năng liên môn thông qua sản phẩm.  Nhận định được lĩnh vực chuyên nghành phù hợp với sở thích cá nhân. |  |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9 | Kiểm tra đánh giá giữa kì I | Làm sản phẩm trên giấy |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 16 | Kiểm tra đánh giá cuối kì I | Làm sản phẩm trên giấy |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | Kiểm tra đánh giá giữa kì II | Làm sản phẩm trên giấy |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 33 | Kiểm tra đánh giá cuối kì II | Làm sản phẩm trên giấy |

*Lưu ý:*

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày tháng năm 2023*  **TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…………., ngày tháng năm 2023*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ ........**  **TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN NGHỆ THUẬT, Lớp 8 – Phân môn Mĩ Thuật (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)**

**NĂM HỌC 2023 – 2024**

**Học kỳ I: 1 tiết/ tuần x 18 tuần. Học kỳ II: 17 tiết/ tuần x 17 tuần = 35 tiết .**

Họ và tên giáo viên:Trình độ đào tạo: Dạy lớp:

**I. Kế hoạch dạy học**:

Phân phối chương trình:

**HỌC KÌ I**

| **Tiết** | **Bài học** | **Số tiết** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thiết bị dạy học** | **Địa điểm dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Chủ đề 1 : Hình tượng con người trong mĩ thuật.**  Bài 1: Hình tượng con người trong sáng tạo mĩ thuật. | 2 | Tuần 1 | Hiểu về cách thức tạo hình con người trong sáng tạo mĩ thuật.  Thể hiện tạo hình con người theo nhiều hình thức khác nhau. | Một số tranh ảnh liên quan tới hình tượng con người trong sáng tác. | Phòng học |
| 2 | Tuần 2 | Có khả năng ghi chép dáng người trạng thái tĩnh và động.  Cảm nhận được vẻ đẹp và biết chia sẻ cách khai thác hình tượng con người. | Một số SPMT mô phỏng tạo hình con người. | Phòng học |
| 3 | Bài 2: Một số dạng bố cục trong tranh sinh hoạt. | 2 | Tuần 3 | Biết cách khai thác đề tài và xây dựng bố cục tranh có nhân vật làm trọng tâm.  Thể hiện được hình tượng con người trong tranh sinh hoạt có mảng chính và phụ | Một số tranh ảnh liên quan tới bố cục trong sinh hoạt . | Phòng học |
| 4 | Tuần 4 | Vẽ được tranh sinh hoạt theo một số bố cục thông thường.  Cảm nhận được vẻ đẹp của hình tượng con người trong tác phẩm. | Một số SPMT có đầy đủ về bố cục và màu sắc. | Phòng học |
| 5 | **Chủ đề 2: Vẻ đẹp trong nghệ thuật truyền thống.**  Bài 3: Nghệ thuật truyền thống. | 2 | Tuần 5 | Hiểu được vẻ đẹp của nghệ thuật truyền thống.  Có kĩ năng khai thác tài liệu nghệ thuật truyền thống để thực hành sáng tạo. | Tranh ảnh bài vẽ liên quan đến nghệ thuật truyền thống . | Phòng học |
| 6 | Tuần 6 | Vận dụng được kiến thức và kĩ năng trong bài học để trang trí không gian.  Yêu thích vẻ đẹp, giá trị nghệ thuật truyền thống của cộng đồng dân tộc. | Một số SPMT liên quan đến vẻ đẹp của nghệ thuật truyền thống làm minh họa. | Phòng học |
| 7 | Bài 4: Thiết kế trang phục với hoa văn dân tộc thiểu số. | 2 | Tuần 7 | Nhận biết được tính tượng trưng, tính biểu tượng trong hoa văn trên trang phục của đồng bào dân tộc thiểu số  Hiểu và sử dụng được cách chuyển động của nét trong tạo hình hoa văn. | Tranh ảnh bài vẽ liên quan đến việc thiết kế trang phục dân tộc. | Phòng học |
| 8 | Tuần 8 | Vận dụng được vẻ đẹp của hoa văn dân tộc thiểu số trong thiết kế trang phục.  Cảm nhận được vẻ đẹp của hoa văn dân tộc thiểu số trong trang trí. | Tranh ảnh mẫu một số bài hoặc mẫu sản phẩm hoa văn dân tộc thiểu số. | Phòng học |
| 9 | Kiểm tra đánh giá giữa kì I | 1 | Tuần 9 | Kiểm tra, đánh giá nhận thức thẩm mĩ của học sinh thông qua các nội dung đã học từ đầu học kì I đến giữa kì I. | Đề bài + Đặc tả đề, hướng dẫn đánh giá. | Phòng học |
| 10 | **Chủ đề 3: Niềm vui, hạnh phúc.**  Bài 5: Tác phẩm hội họa chủ đề Niềm vui, hạnh phúc. | 2 | Tuần 10 | Nhận biết được các yếu tố tạo hình làm nổi bật được chủ đề yêu cầu.  Biết sử dụng những yếu tố tạo hình, lựa chọn phương tiện,vật liệu trong sáng tạo chủ đề. | Tranh ảnh, tác phẩm của họa sĩ trong và ngoài nước chủ đề niềm vui, hạnh phúc. | Phòng học |
| 11 | Tuần 11 | Thể hiện được sản phẩm mĩ thuật với chủ đề và tạo được đểm nhấn chính phụ.  Yêu thích và trình bày được quan điểm cá nhân về sản phẩm. | SPMT liên quan tới chủ đề. | Phòng học |
| 12 | Bài 6: Thiết kế quà sinh nhật từ vật liệu sẵn có. | 2 | Tuần 12 | Hiểu được vai trò của thiết kế trong sáng tạo mĩ thuật.  Có ý tưởng cải tiến, thiết kế sản phẩm mĩ thuật từ chất liệu sẵn có. | Tranh ảnh liên quan đến quà sinh nhật . | Phòng học |
| 13 | Tuần 13 | Sử dụng được màu sắc tự thân của vật liệu để thiết kế, trang trí sản phẩm.  Hình thành ý thức sử dụng vật liệu sẵn có, tái sử dụng trong thực hành. | Tranh ảnh hoặc mẫu sản phẩm một số thiết kế quà sinh nhật. | Phòng học |
| 14 | **Chủ đề 4: Mĩ thuật thế giới thời kì hiện đại.**  Bài 7: Một số trường phái mĩ thuật phương Tây thời kì hiện đại. | 2 | Tuần 14 | Hiểu được sơ lược về mĩ thuật phương Tây thời kì hiện đại.  Phân tích so sánh sự khác nhau giữa các trường phái Ấn tượng, Lập thể. Biểu hiện. Biết vận dụng đặc điểm của một trường phái vẽ theo yêu cầu. | Tranh ảnh TPMT phương tây hiện đại. | Phòng học |
| 15 | Tuần 15 | Sưu tập hình ảnh một số tranh của trường phái nghệ thuật yêu thích.  Có ý thức tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới để làm giàu văn hóa dân tộc. | Tranh ảnh các SPMT thể hiện về mĩ thuật hiện đại phương Tây. | Phòng học |
| 16 | Kiểm tra đánh giá cuối kì I | 1 | Tuần 16 | Kiểm tra, đánh giá nhận thức thẩm mĩ của học sinh thông qua các nội dung đã học ở kì I. | Đề bài + Đặc tả đề, hướng dẫn đánh giá. | Phòng học |
| 17 | Bài 8: Nghệ thuật trang trí đồ gia dụng. | 2 | Tuần 17 | Nhận biết đươc tính tượng trưng, tính biểu tượng của sản phẩm.  Khai thác được phong cách tạo hình của một số trường phái nghệ thuật. | Hình ảnh, video giới thiệu nghệ thuật trang trí đồ gia dụng. | Phòng học |
| 18 | Tuần 18 | Thiết kế và trang trí được sản phẩm đồ gia dụng phù hợp với mục đích.  Có ý thức, thái độ sống thân thiện với môi trường, tiết kiệm nguồn tài nguyên. | SPMT nghệ thuật trang trí đồ gia dụng. | Phòng học |

**HỌC KỲ II**

| **Tiết** | **Bài học** | **Số tiết** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thiết bị dạy học** | **Địa điểm dạy học** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 19 | **Chủ đề 5: Vẻ đẹp trong lao động .**  Bài 9: Vẻ đẹp người lao động trong sáng tạo mĩ thuật. | 2 | Tuần 19 | Nhận biết được vẻ đẹp của dáng người trong lao động.  Có kĩ năng quan sát , phân tích, tư duy hình ảnh nhận biết các dáng người và thể hiện được tranh đề tài vẻ đẹp lao động. | Tranh ảnh bài vẽ thể hiện vẻ đẹp người lao động. | Phòng học |
| 20 | Tuần 20 | Biết được kĩ thuật in nổi và thể hiện đc một bức tranh nội dung lao động.  Có ý thức tham gia lao động và biết trân trọng người lao động. | Các bước thực hiện SPMT thể hiện rõ tranh có nội dung lao động. | Phòng học |
| 21 | Bài 10: Nghệ thuật trổ giấy trang trí. | 2 | Tuần 21 | Hiểu được kĩ thuật trổ giấy trong thực hành sáng tạo.  Biết khai thác vẻ đẹp trong cuộc sống để thực hành sản phẩm. | Tranh ảnh bài vẽ nghệ thuật trổ giấy trang trí. | Phòng học |
| 22 | Tuần 22 | Vận dụng kĩ thuật trổ giấy để làm một sản phẩm trang trí.  Có ý thức giữ gìn nghệ thuật trổ giấy. | Hỉnh ảnh một số bản vẽ nghệ thuật trổ giấy. | Phòng học |
| 23 | **Chủ đề 6: Giao thông công cộng trong sáng tạo mĩ thuật .**  Bài 11: Phương tiện giao thông công cộng trong sáng tạo mĩ thuật . | 2 | Tuần 23 | Hiểu được đặc điểm của tạo hình giao thông công cộng.  Củng cố kĩ năng quan sát, tư duy hình ảnh, thu thập thông tin trong việc tạo dáng được một phương tiện giao thông. | Video, hình ảnh phương tiện giao thông công cộng. | Phòng học |
| 24 | Tuần 24 | Vận dụng kiến thức bài học vào thiết kế một sản phẩm về phương tiện giao thông công cộng.  Hiểu sự cần thiết, lợi ích của phương tiện giao thông với con người và XH. | Một số sản phẩm 3D, 2D về phương tiện giao thông. | Phòng học |
| 25 | Bài 12: Thiết kế trang trí áo phông. | 1 | Tuần 25 | Hiểu được vai trò của truyền thông qua hình ảnh trên sản phẩm.  Biết khai thác vẻ đẹp tạo hình phương tiện giao thông trong thiết kế trang trí áo phông. | Hình ảnh hoặc ảnh chụp thiết kế trang trí áo phông đa dạng về chất liệu và mầu mã. | Phòng học |
| 26 | Kiểm tra đánh giá giữa kì II | 1 | Tuần 26 | Kiểm tra, đánh giá nhận thức thẩm mĩ của học sinh thông qua các nội dung đã học từ đầu kì II đến giữa học kì II. | Đề bài + Đặc tả đề, hướng dẫn đánh giá. | Phòng học |
| 27 | Bài 12: Thiết kế trang trí áo phông. | 1 | Tuần 27 | Sử dụng kiến thức bài học để trang trí được phụ kiện phục trang.  Có ý thức sử dụng sản phẩm tuyên truyền cho văn hóa giao thông. | SPMT về thiết kế trang trí áo phông. | Phòng học |
| 28 | **Chủ đề 7: Mĩ thuật Việt Nam thời kì hiện đại.**  Bài 13: Một số tác giả tác phẩm mĩ thuật Việt Nam thời kì hiện đại. | 2 | Tuần 28 | Biết được giá trị tạo hình của nền Mĩ thuật hiện đại thông qua một số tác giả tác phẩm.  Viết được một bài luận về tác giả, tác phẩm hoặc vẽ theo một trường phái mĩ thuật Việt Nam hiện đại. | Hình ảnh một số tác giả tác phẩm MTVN thời kì hiện đại. | Phòng học |
| 29 | Tuần 29 | Vận dụng kiến thức đã học xây dựng một video hoặc một tờ báo tường về nghệ thuật VN hiện đại.  Tự hào về nền mĩ thuật Việt nam hiện đại. | Một số SPMT có nội dung về MTVN hiện đại. | Phòng học |
| 30 | Bài 14: Nghệ thuật thiết kế Việt Nam thời kì hiện đại. | 2 | Tuần 30 | Biết được khái quát về lịch sử của nghệ thuật thiết kế Việt Nam.  Hiểu và thiết kế được một sản phẩm mĩ thuật ứng dụng. | Tranh ảnh, video liên quan đến nghệ thuật thiết kế. | Phòng học |
| 31 | Tuần 31 | Vận dụng được đặc điểm cơ bản của thiết kế hiện đại trong thiết kế đồ gia dụng.  Yêu thích nghành thiết kế mĩ thuật ứng dụng. | Một số SPMT thiết kế VN thời kỳ hiện đại. | Phòng học |
| 32 | **Chủ đề 8: Hướng nghiệp.**  Bài 15: Nghành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình. | 1 | Tuần 32 | Hiểu được vai trò của mĩ thuật trong đời sống văn hóa xã hội.  Liệt kê được một số nghành nghề cơ bản liên quan đến mĩ thuật tạo hình. | Tranh ảnh nghành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình. | Phòng học |
| 33 | Kiểm tra đánh giá cuối kì II | 1 | Tuần 33 | Kiểm tra, đánh giá nhận thức thẩm mĩ của học sinh thông qua các nội dung đã học ở học kì II. | Đề bài + Đặc tả đề, hướng dẫn đánh giá. | Phòng học |
| 34 | Bài 15: Nghành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình. | 1 | Tuần 34 | Viết được một bài luận hoặc làm một đoạn video clip giới thiệu nghành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình.  Liên hệ thực tế và bước đầu có ý thức tìm hiểu công việc liên quan đến lĩnh vực mĩ thuật tạo hình phù hợp.. | SPMT liên quan đến ngành nghề mĩ thuật tạo hình. | Phòng học |
| 35 | Bài 16: Đặc trưng của nghành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình. | 1 | Tuần 35 | Nêu được yếu tố đặc trưng của một số nghành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình.  Biết đến các bước thực hiện một tác phẩm mĩ thuật của họa sĩ.  Thể hiện được kiến thức, kĩ năng liên môn thông qua sản phẩm.  Nhận định được lĩnh vực chuyên nghành phù hợp với sở thích cá nhân. | Video, tranh ảnh của nghành nghề liên quan đến mĩ thuật tạo hình .  Một số sản phẩm minh họa. | Phòng học |

**II. Nhiệm vụ khác (Không có)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *......, ngày tháng năm 2023*  **TỔ/NHÓM TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *......., ngày tháng năm 2023*  **GIÁO VIÊN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *........., ngày tháng năm 2023*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |